TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HS-ST
Ngày: 23 – 6 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Ông Trương Công Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Trung P, sinh ngày 10/02/1966; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Ngọc O (đã chết) và bà Nguyễn Thị G (đã chết); Có vợ là Phạm Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 02/1982 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 01/1985 được xuất ngũ về địa phương.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 213/QĐ/XPVPHC ngày 30/4/2009 của Công an thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt 200.000 đồng về hành vi vi phạm quy định về phòng chống ma túy. Chấp hành xong ngày 11/5/2009.

Bị tạm giữ từ ngày 29/3/2023 đến ngày 01/4/2023 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Trần Văn T2, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T1.

+ Anh Nguyễn Tiến V2, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 06/05, ngõ 159, đường N, tổ 04, phường P1, thành phố T1, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 29/3/2023, Trần Trung P đi xe ôm từ nhà đến khu vực cổng Đại học y dược T1, đường L1, phường K1, thành phố T1, tỉnh T1 gặp và mua của một người nam giới khoảng 25 tuổi không biết tên và địa chỉ 600.000 đồng được 03 gói Heroine, sau đó P cầm ở lòng bàn tay trái rồi đi bộ tìm nơi để sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày khi P đi đến khu vực đê sông T3 thuộc tổ 03, phường K1, thành phố T1, tỉnh T1 thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Trần Văn T2 và anh Nguyễn Tiến V2, P tự giác đưa từ lòng bàn tay trái ra giao nộp cho tổ công tác 03 gói được gói bằng giấy tráng kim màu trắng bên trong có chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là Heroine, P vừa mua để sử dụng cho bản thân, tổ công tác đã niêm phong vật chứng theo quy định, yêu cầu P và mời những người chứng kiến về trụ sở Công an phường K1, thành phố T1, tỉnh T1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục khác theo quy định.

Bản kết luận giám định số 455/KL-KTHS ngày 30/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu vật quản lý của Trần Trung P gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 0,3275 gam (không phẩy ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm gam).

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKSTPTB ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Trần Trung P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Trung P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung P mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Trung P còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Trung P nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trung P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ ngày 29/3/2023 tại khu vực đê sông T3 thuộc tổ 03, phường K1, thành phố T1, tỉnh T1, Trần Trung P có hành vi tàng trữ trái phép trên người 03

gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3275 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

Hành vi của Trần Trung P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, ma túy là loại chất gây nghiện gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phá hoại hạnh phúc của bao gia đình và còn phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Trần Trung P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, tham gia nghĩa vụ quân sự, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có công việc ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của bị cáo Trần Trung P còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Trần Trung P khai mua ma túy của một người nam giới khoảng 25 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực cổng Đại học y dược T1, đường L1, phường K1, thành phố T1, tỉnh T1 nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Trung P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Trung P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 29/3/2023).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Trần Trung P hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì, bên ngoài ghi số 455/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

(Vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/5/2023).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Trung P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam/Nhà tạm giữ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý